TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2023/KDTM-GĐT
Ngày 07-6-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường và ông Đặng Kim Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty H; địa chỉ: số 9 Đại lộ T, Khu công nghiệp S II, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

1.1. ông Nguyễn Phong C - Chức vụ: Giám đốc Công ty H - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

1.2. ông Huỳnh Thanh T1; địa chỉ cư trú: Nguyễn Văn T, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. ông Trần Tuấn C1; địa chỉ cư trú: Nguyễn Văn T, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty H1; địa chỉ: tổ dân phố D, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Trọng V - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Trọng V: bà Nguyễn Thị H2; địa chỉ cư trú: số 07 Xuân B, Tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08-02-2021, giữa Công ty H1 (bên A) với Công ty H (bên B) ký kết Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021 và Phụ lục 01 của Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021, với nội dung: bên B đặt cọc cho bên A số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) nhằm bảo đảm việc xin Giấy phép xây dựng, xây dựng nhà xưởng với tổng diện tích đất là 2.227,5 m^2 tại thửa đất số 34 và thửa đất số 25, cùng tờ bản đồ số 33 tổ dân phố D, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên A). Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày bên B đặt cọc (ngày 08-3-2021), bên A phải thực hiện khởi công xây dựng xong nhà xưởng theo đúng bản vẽ phương án bố trí mặt bằng, được hai bên thống nhất để bàn giao nhà xưởng cho bên B thuê.

Quá trình xây dựng nhà xưởng, do Công ty H1 (sau đây viết tắt là Công ty H1) không bàn giao nhà xưởng theo thỏa thuận (ngày 05-7-2021), nên ngày 12-8-2021 Công ty H (sau đây viết tắt là Công ty H) gửi Công văn số 0108/CV/HSG-QB/2021 (lần thứ nhất) cho Công ty H1 với nội dung: yêu cầu Công ty H1 nghiêm túc thực hiện đúng nội dung hai bên thỏa thuận; đồng thời, Thông báo thời hạn bàn giao nhà xưởng đã quá thời hạn 38 ngày. Cùng ngày, Công ty H1 gửi Công văn số 89/NH cho Công ty H xác nhận lại trách nhiệm phải xây dựng nhà xưởng để bàn giao cho Công ty H thuê.

Ngày 16-8-2021 Công ty H nhận được Công văn số 90/NH ngày 16-8-2021 của Công ty H1 xác nhận đang làm các bước cuối cùng để hoàn chỉnh công trình và sẽ bàn giao nhà xưởng cho Công ty H ngày 26-8-2021. Ngày 23-8-2021 Công ty H1 thông báo cho Công ty H đến kiểm tra công trình, nhưng nhà xưởng vẫn chưa hoàn thành, nên hai bên tiến hành lập Biên bản ghi nhận sự việc, theo đó có 06 hạng mục chưa đạt. Như vậy, tính đến ngày 26-8-2021 Công ty H1 đã trễ hạn 52 ngày.

Ngày 16-9-2021 Công ty H1 tiếp tục gửi Công văn số 95/NH cho Công ty H về việc xác nhận thời gian bàn giao nhà xưởng cho Công ty H vào ngày 23-9-2021 và đưa ra lý do không hoàn thành công trình để bàn giao cho Công ty H vào ngày 26-8-2021 là do dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra phức tạp tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài các công văn nêu trên, hai công ty còn gửi nhiều công văn khác về việc chậm bàn giao nhà xưởng. Như vậy, tính đến ngày 01-10-2021 Công ty H1 đã trễ hạn bàn giao nhà xưởng 88 ngày.

Nguyên đơn là Công ty H trình bày:

Do Công ty H1 vi phạm nội dung đã thỏa thuận tại "Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021" và "Phụ lục 01 của Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021" cùng ngày 08-02-2021 về thời hạn bàn giao nhà xưởng, nên Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty H 6.000.000.000 đồng; trong đó, tiền đặt cọc là 3.000.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 3.000.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty H1 trình bày:

Công ty H1 thừa nhận có ký "Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021" và "Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc" cùng ngày 08-02-2021 và đã nhận số tiền đặt cọc là 3.000.000.000 đồng tại Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2021 như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, Công ty H1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty H, vì việc chậm bàn giao nhà xưởng cho Công ty H là do tại thời điểm xây dựng, trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nên đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng công trình. Mặt khác, tại Giấy phép xây dựng số 811/GPXD chỉ cho phép được xây dựng nhà trưng bày sản phẩm, nhưng tại "Thỏa thuận đặt cọc" và "Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc" được hai bên ký kết là xây dựng nhà xưởng. Do đó, Công ty H1 đã thông báo cho Công ty H biết để có hướng xử lý hoặc điều chỉnh lại bản vẽ hoặc dừng việc hợp tác giữa hai bên, nhưng Công ty H không có ý kiến gì, mà vẫn yêu cầu Công ty H1 khẩn trương xây dựng nhà xưởng để bàn giao cho Công ty H thuê.

Sau khi công trình nhà xưởng hoàn thành, Công ty H1 đề nghị Công ty H điều chỉnh lại mức giá thuê tài sản cho phù hợp với điều kiện thực tế mà Công ty H1 đã chi phí; đồng thời, chấp thuận theo mẫu hợp đồng thuê mới khác do Công ty H1 soạn thảo, nhưng phía Công ty H vẫn không thiện chí hợp tác. Do đó, Công ty H1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 20-5-2022, Toà án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 128; Điều 271; Điều 273; Điều 200 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H.

Buộc Công ty H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng); trong đó, số tiền đặt cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 3.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31-5-2022, Công ty H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 45/2022/KDTM-PT ngày 26-8-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Buộc Công ty H1 phải trả lại cho Công ty H số tiền cọc 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty H về việc buộc Công ty H1 phải chịu số tiền phạt cọc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

- Ngày 23-9-2022, Công ty H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị số 02/2023/KN-KDTM ngày 21-4-2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 45/2022/KDTM-PT ngày 26-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 45/2022/KDTM-PT ngày 26-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ Hới.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy:

[1.1] Tại điểm 2.1.2 khoản 2.1 Điều 2 của Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021 ngày 08-02-2021 (từ bút lục số 23 đến bút lục số 26) thể hiện: *"Trong vòng 120 ngày, kể từ ngày bên B (Công ty H) đặt cọc, bên A (Công ty H1) phải thực hiện khởi công xây dựng xong nhà xưởng theo đúng bản vẽ phương án bố trí mặt bằng được hai bên thống nhất và sẵn sàng để bàn giao nhà xưởng cho bên B. Nếu nhà xưởng được xây dựng không đúng phương án bố trí mặt bằng được hai bên thống nhất, thì bên B có quyền không ký Hợp đồng thuê hoặc bên B tiến hành sửa chữa với chi phí do bên A chịu. Chi phí này được bên B cấn trừ vào tiền thuê, nếu bên A không thanh toán kịp thời"*; tại điểm 4.1 Điều 4 các bên thoả thuận: *"Nếu bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ được đảm bảo theo Điều 2.1, thì bên A phải trả lại tiền cọc đã nhận và trả cho bên B khoản tiền bằng tiền cọc đã nhận"* và tại Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2021 thể hiện: Công ty H - Chi nhánh Quảng Bình chuyển cho Công ty H1 số tiền 3.000.000.000 đồng (bút lục số 29).

Căn cứ điểm 2.1.2 khoản 2.1 Điều 2 của Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021 ngày 08-02-2021, thì Công ty H1 phải hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Công ty H đặt cọc (ngày 08-3-2021) để bàn giao cho Công ty H thuê. Hồ sơ vụ án thể hiện: đến thời hạn bàn giao nhà xưởng (ngày 05-7-2021),

Công ty H1 vẫn không bàn giao cho Công ty H, nên Công ty H đã gửi công văn đôn đốc thi công nhà xưởng, trong đó có Công văn số 0108/CV/HSG-QB/2021 ngày 12-8-2021 (lần thứ nhất) yêu cầu Công ty H1 phản hồi lý do vi phạm nghĩa vụ (chậm bàn giao nhà xưởng 38 ngày). Công ty H1 có công văn phúc đáp và thông báo cho Công ty H về thời gian bàn giao nhà xưởng vào nhiều thời điểm khác nhau, nhưng tất cả đều không thực hiện đúng thời hạn. Như vậy, mặc dù Công ty H1 có nhiều công văn trao đổi, nhưng các công văn này không đồng nghĩa với việc Công ty H đồng ý cho Công ty H1 gia hạn thời hạn bàn giao nhà xưởng. Do đó, có cơ sở để xác định Công ty H1 đã vi phạm thời hạn bàn giao nhà xưởng cho Công ty H thuê theo thoả thuận mà các bên đã ký kết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H1 cho rằng do dịch Covid-19 và thực hiện các Chỉ thị số 15, 16 và 19 của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội, dẫn tới chậm tiến độ xây dựng nhà xưởng, nên Công ty H1 không hoàn thành xong công trình để bàn giao như thỏa thuận đặt cọc nêu trên, lý do này là bất khả kháng.

Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong suốt quá trình xây dựng, Công ty H1 không có ý kiến phản hồi về lý do dịch Covid-19 để hai bên bàn bạc và thống nhất lại thời hạn bàn giao công trình. Chỉ đến khi quá thời hạn bàn giao công trình 38 ngày và sau khi được Công ty H nhắc nhở, thì Công ty H1 mới có ý kiến là do dịch Covid-19. Mặt khác, Chỉ thị số 15/CT-TTg ban hành ngày 27-3-2020 áp dụng biện pháp hạn chế tụ tập đông người từ 00 giờ ngày 28-3-2020 đến ngày 15-4-2020; Chỉ thị số 16/CT-TTg ban hành ngày 31-3-2020 có hiệu lực trong thời gian 15 ngày, kể từ 00 giờ ngày 01-4-2020 trên phạm vi toàn quốc; Chỉ thị số 19/TTg ban hành và có hiệu lực từ ngày 24-4-2020. Các Chỉ thị này sau đó được áp dụng từ 07 đến 14 ngày, tùy vào tình hình dịch tại từng địa phương. Tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg trong vòng 07 ngày cuối tháng 8-2021; trong khi đó, theo thỏa thuận đặt cọc, Công ty H1 có nghĩa vụ phải bàn giao nhà xưởng cho Công ty H vào ngày 05-7-2021, tức 120 ngày kể từ ngày đặt cọc (ngày 08-3-2021). Trên thực tế, tính đến ngày 01-10-2021 đã chậm bàn giao nhà xưởng 88 ngày, nhưng Công ty H1 vẫn chưa hoàn thành công trình như hai bên đã cam kết. Như vậy, lý do Công ty H1 cho rằng không thể hoàn thành công trình nhà xưởng như đã cam kết với Công ty H là do trường hợp bất khả kháng là không có cơ sở để chấp nhận.

[1.3] Sau khi công trình tạm hoàn tất, Công ty H1 không đồng ý giao kết hợp đồng thuê theo nội dung Phụ lục 01 mà các bên đã thỏa thuận trước đó. Lý do không tiến hành ký kết hợp đồng thuê là do Công ty H không đồng ý yêu cầu điều chỉnh tăng giá thuê, thay đổi phương thức khấu trừ cọc, ký hợp đồng thuê theo mẫu của Công ty H1 soạn thảo và viện dẫn việc điều chỉnh giá cho thuê tài sản là do Công ty

H1 đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, nhà trưng bày sản phẩm theo đúng thiết kế chi tiết mà Công ty H yêu cầu, nên tổng chi phí thực tế là hơn 7.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hai bên xảy ra tranh chấp, các bên không ký thêm bất kỳ văn bản nào để điều chỉnh nội dung của "Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021" và "Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc" cùng ngày 08-02-2021, nên lý do này của Công ty H1 là không có căn cứ.

Mặt khác, tại Điều 4 của Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021 ngày 08-02-2021 các bên thoả thuận *"Trường hợp Công ty H1 không thực hiện và thực hiện không đúng các nghĩa vụ theo khoản 2.1 Điều 2, thì Công ty H1 phải trả lại tiền cọc 3.000.000.000 đồng và tiền phạt cọc 3.000.000.000 đồng"*. Do Công ty H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty H, buộc Công Ninh Hải phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H 6.000.000.000 đồng; trong đó, tiền đặt cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 3.000.000.000 đồng là đúng với thoả thuận mà các bên ký kết và đúng quy định tại các Điều 328; Điều 401 và Điều 403 của Bộ luật Dân sự.

[1.4] Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: *"Do nội dung giấy phép xây dựng của Chủ đầu tư (tức Công ty H1) tên công trình là nhà trưng bày sản phẩm, không có nội dung cấp giấy phép xây dựng nhà xưởng, còn nội dung hợp đồng thuê theo Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc ngày 08-02-2021 là nhà xưởng, văn phòng làm việc, khu sinh hoạt. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hợp đồng thuê công trình xây dựng nói trên giữa hai bên không được ký kết.... Như vậy, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, Thỏa thuận đặt cọc và Phụ lục 01 có nội dung mâu thuẫn nhau là nguyên nhân làm cho hợp đồng thuê công trình xây dựng giữa hai bên không được ký kết. Do đó, việc hợp đồng thuê công trình xây dựng không được ký kết có lỗi ngang nhau từ cả hai phía, nên… buộc Công ty H1 phải trả lại số tiền cọc 3 tỷ đồng, mà không phải chịu thêm số tiền phạt cọc"* là không có căn cứ, bởi lẽ:

[1.4.1] Sau khi công trình tạm hoàn thành, Công ty H1 không đồng ý ký kết hợp đồng cho thuê theo nội dung Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc ngày 08-02-2021 mà các bên đã thỏa thuận trước đó. Công ty H1 nêu lý do không tiến hành ký kết hợp đồng là do Công ty H không đồng ý yêu cầu điều chỉnh tăng giá thuê, thay đổi phương thức khấu trừ cọc, ký hợp đồng thuê theo mẫu của Công ty H1 soạn thảo, chứ không phải là do mâu thuẫn giữa giấy phép xây dựng (nhà trưng bày sản phẩm) và Phụ lục (nhà xưởng) như Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định.

[1.4.2] Trong suốt quá trình xây dựng công trình, Công ty H1 không có bất kỳ ý kiến gì về sự mẫu thuẫn này, mà đã xây dựng theo thiết kế bản vẽ của Công ty H. Bên cạnh đó, do việc xây dựng nhà xưởng kéo dài và xây dựng một số hạng mục không đúng như thỏa thuận (hai bên đều xác nhận), nên dẫn đến hai bên không ký hợp đồng thuê tài sản như đã nêu.

[1.4.3] Tại điểm 2.1.2 Thoả thuận đặt cọc ngày 08-02-2021, các bên thoả thuận: *"Nếu nhà xưởng được xây dựng không đúng phương án bố trí mặt bằng được hai bên thống nhất, bên B có quyền không ký Hợp đồng thuê hoặc bên B có quyền sửa chữa với chi phí do bên A chịu. Chi phí này được bên B cấn trừ vào tiền thuê nếu bên A không thanh toán kịp thời"*. Như vậy, việc mâu thuẫn giữa mục đích xây dựng nhà xưởng hay nhà trưng bày sản phẩm không phải là nguyên nhân dẫn đến không ký kết được hợp đồng thuê tài sản giữa các bên.

[2] Công ty H1 và Công ty H là các pháp nhân có đăng ký kinh doanh. Thỏa thuận đặt cọc số 08-MT/HSG/2021" và "Phụ lục 01 của thỏa thuận đặt cọc" cùng ngày 08-02-2021 được hai bên ký kết là hoạt động kinh doanh thương mại, có mục đích lợi nhuận. Do đó, tranh chấp giữa hai bên trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục được sai lầm của Toà án cấp sơ thẩm, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại là đúng pháp luật. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật, nhưng buộc Công ty H1 phải trả lại tiền đặt cọc và tiền phạt cọc cho Công ty H là có căn cứ, đánh giá đúng, đủ các chứng cứ, tài liệu khách quan có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2023/KN-KDTM ngày 21/4/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 45/2022/KDTM-PT ngày 26-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ;

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Căn cứ khoản 6 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án án phí, lệ phí Tòa án:

Công ty H1 phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty H1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001202 ngày 06-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nên được trừ số tiền này vào số tiền án phí phải nộp, số tiền còn phải nộp là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GĐKT II, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Cường